



THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG NÔNG THÔN, ẢNH HƯỞNG CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ, VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CỦA LAO ĐỘNG TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Quang Tuyền¹ và Lê Hoàng Phúc²

¹Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

²Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Thông tin chung:

Ngày nhận: 25/12/2015

Ngày chấp nhận: 23/05/2016

Title:

The situation of rural laborers, the impact of vocational training, employment, and income of rural laborers in Vinh Long province

Từ khóa:

Đào tạo nghề, lao động nông thôn, thu nhập, việc làm

Keywords:

Employment, income, rural laborers, vocational training

ABSTRACT

Research on “The situation of rural laborers, the impact of vocational training, employment, and income of rural laborers in Vinh Long province” was conducted to find out: (1) The situation of labor, vocational training, employment and income, (2) The impact of vocational training, (3) Strengths, weaknesses, opportunities and threats of vocational training and employment, (4) Solution for improving the quality of vocational training, creating employment and enhancing income. The research was conducted through the group discussion and interview of 180 households. Descriptive statistics, cross tabulation, linear regression and SWOT matrix were used in the research. The research findings were concluded that (1) the labor was abundant, educational level was limited, the awareness of labor towards vocational training was good, the demand of vocational training has been increasing in Vinh Long province. However, the ability of co-operation between the organizations of vocational training, business and the trainees was still limited; (2) the factors affected to the household income such as the number of times participating in the vocational training, time training and the linkage after training; (3) the vocational training faced difficulties as lacking in equipment and the laborers did not have free time to participate in the vocational training courses.

TÓM TẮT

Nghiên cứu “Thực trạng lao động nông thôn, ảnh hưởng của đào tạo nghề, việc làm và thu nhập của lao động tỉnh Vĩnh Long” nhằm tìm hiểu: (1) Thực trạng lao động, đào tạo nghề, việc làm và thu nhập, (2) Ảnh hưởng của đào tạo nghề, (3) Thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức của đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm, (4) Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tạo việc làm và nâng cao thu nhập. Nghiên cứu được thực hiện thông qua thảo luận nhóm và phỏng vấn 180 hộ. Phân tích số liệu bằng thống kê mô tả, phân tích bảng chéo, hồi quy tương quan và ma trận SWOT. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Vĩnh Long có lao động nông thôn dồi dào, trình độ học vấn có hạn; nhận thức của lao động học nghề tốt, có nhu cầu học nghề. Tuy nhiên, khả năng gắn kết giữa cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp và người học còn hạn chế; (2) Các nhân tố như số lần học nghề, thời gian học, đa dạng nghề và liên kết sau đào tạo ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ, (3) Đào tạo nghề còn gặp khó khăn như trang thiết bị không đủ, lao động không có thời gian học,...

Trích dẫn: Nguyễn Quang Tuyền và Lê Hoàng Phúc, 2016. Thực trạng lao động nông thôn, ảnh hưởng của đào tạo nghề, việc làm và thu nhập của lao động tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 43c: 51-59.

1 GIỚI THIỆU

Theo Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng CSVN tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 9 đã chỉ rõ: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện phát triển nguồn lực con người – yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”. Việt Nam có dân số khoảng 89 triệu người với lực lượng lao động rất dồi dào khoảng 50 triệu lao động năm 2010 (Tổng cục thống kê, 2012). Tuy nhiên, chất lượng nguồn lao động lại đang ở mức thấp.

Theo Tổng cục thống kê năm 2011, cả nước có 1/3 dân số với tuổi từ 15 trở lên tham gia lao động. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có dân số khoảng 17 triệu người, hơn 70% đang sống trong khu vực nông thôn. Trong đó, có hơn 10 triệu người trong độ tuổi lao động (Tổng cục Thống kê, 2012). Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở ĐBSCL là 76%, nam tham gia lao động chiếm 85% và nữ chiếm 68%. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật chỉ chiếm 15%. Đây là một trở ngại lớn cho sự phát triển của vùng.

Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã nêu rõ mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, lao động nông nghiệp được chuyển dịch còn 30% trong tổng lực lượng lao động, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%. Do đó, vấn đề Đào tạo nghề nông thôn: Theo quyết định phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” của Thủ tướng Chính phủ số 1956/QĐ-TTg ngày 27-11-2009 nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và cũng là mục tiêu phát triển năng lực lao động của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Vĩnh Long trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường hiện nay.

Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tác động của đô thị hóa đã làm cho một bộ phận lao động di dân từ nông thôn ra thành thị nhưng do hạn chế về mặt trình độ cùng với tập quán sản xuất nông nghiệp từ trước đến nay nên vấn đề tìm kiếm việc làm gặp nhiều khó khăn và thu nhập thấp. Thách thức lớn nhất là lực lượng lao động hiện nay tuy đông nhưng về chất lượng nhìn chung còn thấp, sức cạnh tranh so với nhiều nước khu vực còn hạn chế (BỘ

LĐT&XH, 2008). Để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, giải quyết vấn đề lao động và việc làm theo hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp yêu cầu đặt ra đối với nguồn lao động nông thôn là có tay nghề cao và thông thạo lý thuyết, kỹ năng thực hiện công việc thành thạo, có tác phong công nghiệp và trách nhiệm đối với công việc (Lê Hoàng Phúc, 2012). Do đó, giải quyết vấn đề lao động và việc làm nông thôn trong thời kỳ hội nhập là cần thiết, góp phần thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Với những lý do trên đề tài nghiên cứu “Thực trạng lao động nông thôn, ảnh hưởng của đào tạo nghề, việc làm và thu nhập của lao động tỉnh Vĩnh Long” trở nên rất cần thiết, nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn, ảnh hưởng của đào tạo nghề, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, cải thiện thu nhập và đời sống của người dân Vĩnh Long.

2 MỤC TIÊU

- Đánh giá thực trạng về lực lượng lao động và tình hình đào tạo nghề, việc làm, thu nhập của người dân nông thôn tại vùng nghiên cứu.
- Phân tích ảnh hưởng của đào tạo nghề đến việc làm và thu nhập của người dân vùng nghiên cứu.
- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức của đào tạo nghề và việc làm của người dân vùng nghiên cứu.
- Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập của người dân vùng nghiên cứu.

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Phương pháp tiếp cận

Tiếp cận phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA) thông qua thảo luận nhóm (FGD) với những người am hiểu (KIP), ngoài ra còn phỏng vấn trực tiếp nông hộ để đánh giá lực lượng lao động, nhu cầu lao động, công tác đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm.

3.2 Phương pháp chọn điểm nghiên cứu và thu thập số liệu

3.2.1 Chọn điểm nghiên cứu

Địa bàn được chọn là 2 huyện Tam Bình và Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, tại mỗi huyện chọn 2 xã

đại diện dựa vào mục tiêu nghiên cứu để đưa ra tiêu chí chọn xã như sau:

+ Chọn một xã nông thôn ở gần trung tâm huyện, có các điều kiện tiếp cận văn hóa- giáo dục tốt hoặc có làng nghề, cơ sở thu hút lao động, có lao động tham gia học các lớp đào tạo nghề theo đề án 1956.

+ Chọn một xã nông thôn nằm xa trung tâm huyện hoặc có một số ít cơ sở thu hút lao động, có lao động tham gia học các lớp đào tạo nghề theo đề án 1956.

Dựa vào các tiêu chí đã nêu, các xã được chọn là xã Ngãi Tứ và Mỹ Thạnh Trung của huyện Tam Bình, xã Phước Hậu và Hòa Phú của huyện Long Hồ.

3.2.2 Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp

Thu thập số liệu thứ cấp từ báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH), Tổng cục Thống kê; Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ, giáo trình,...

Số liệu sơ cấp

– Thảo luận 1 nhóm cán bộ cấp xã cho mỗi xã.

– Thảo luận 2 nhóm lao động cho mỗi xã: 1 nhóm lao động 8 - 10 người được đào tạo nghề và có việc làm và 1 nhóm lao động được đào tạo nghề nhưng chưa tìm được việc làm.

– Phỏng vấn trực tiếp nông hộ

Quan sát mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên phân tầng theo loại hộ (Võ Thị Thanh Lộc, Huỳnh Hữu Thọ, 2015). Tổng số hộ điều tra là 180 hộ, mỗi huyện là 90 hộ, mỗi xã 45 hộ.

3.3 Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm Microsoft Office Excel 2003 và SPSS 18.0. Các phương pháp phân tích được áp dụng gồm thống kê mô tả, phân tích bảng chéo (Cross - Tabulation), phân tích hồi quy tương quan và phân tích SWOT.

4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1 Thực trạng lao động nông thôn địa phương

4.1.1 Đặc điểm lao động của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu

Kết quả khảo sát 180 hộ cho thấy số người trong độ tuổi lao động dồi dào ở nông thôn chiếm

tỷ lệ 76%. Trình độ học vấn của lao động như sau: tỷ lệ mù chữ ở nam và nữ hầu như không chênh lệch chiếm khoảng 1%, ở trình độ cấp 1 tỷ lệ nam chiếm 21% và nữ chiếm 24%, ở trình độ cấp 2 tỷ lệ nam và nữ tương đương nhau khoảng 35%. Ở trình độ cấp 3 thì tỷ lệ nam lại chiếm cao hơn nữ (36% và 30%) có thể do một số nguyên như hoàn cảnh gia đình khó khăn nên phải cho con gái nghỉ học sớm để làm những công việc khác phụ giúp gia đình vì trên địa bàn có các công ty may mặc, công ty chế biến... tuyển lao động không đòi hỏi trình độ cao nên các em nữ học tới cấp 2 và 3 nghỉ học để đi làm tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.

4.1.2 Thực trạng học nghề của lao động nông thôn

Nhóm nghề mà lao động đã tham gia đào tạo trong thời gian qua

Thời gian qua lao động nông thôn chủ yếu tham gia học các nghề thuộc nhóm tiêu thủ công nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất 46%, kế đến là nhóm nghề nông nghiệp chiếm tỷ lệ 28%, kế tiếp là nhóm nghề công nghiệp chiếm 16% và chiếm tỷ lệ thấp nhất 10% là nhóm nghề thương mại-dịch vụ. Nghề tiêu thủ công nghiệp và nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao là do khu vực nông thôn phần lớn là người lớn tuổi, phụ nữ và đa số sống bằng nông nghiệp, công việc của họ mang tính thời vụ nên họ có nhiều thời gian rảnh.

Lý do chọn nghề

Động lực chính giúp lao động nông thôn chọn nghề cho bản thân là do thiếu việc làm, giải quyết thời gian nông nhàn, muốn tăng thêm thu nhập để nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, muốn có nghề để tự mở cơ sở làm ăn (Thảo luận nhóm cán bộ, 2012).

Nhận định về mức độ hài lòng của khóa học

Có 86% người học nghề nông thôn ngắn hạn. Nhận định của người học nghề như sau:

– Nội dung chương trình học: có 56% cho rằng chương trình học có gắn kết với thực tiễn và 34% tạm chấp nhận được; còn lại 10% cho rằng nội dung chương trình còn nặng lý thuyết, ít thực hành.

– Thời gian học: có 57% cho là thời gian học ngắn, 38% cho là thời gian học ở mức trung bình.

– Kỹ năng truyền đạt của giáo viên: đa phần người học đều nhận định rằng trình độ truyền đạt của giáo viên rất sinh động, dễ hiểu chiếm 94%. Đa số giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn là

các kỹ thuật viên của các doanh nghiệp, thợ có tay nghề cao, nghệ nhân, cán bộ, kỹ sư,... được Trung tâm Dạy nghề huyện mời tham gia giảng dạy.

- Thiết bị máy móc thực hành: có 10% nhận định là thiết bị thực hành ít, lạc hậu, chỉ có 50% nhận định là đầy đủ đối với nghề ngắn hạn.

- Sự hỗ trợ của nhà nước: có 49% cho rằng sự hỗ trợ của nhà nước không đủ trang trải chi phí và có 44% cho là sự hỗ trợ đó có thể chấp nhận được.

Thông tin về học nghề

- Trước khi mở lớp đào tạo nghề, Trung tâm Học tập cộng đồng xã thông báo cho các đoàn, hội và Tổ nhân dân tự quản (NDTQ) biết để thông tin trực tiếp kế hoạch đào tạo nghề đến các thành viên.

- Hình thức tuyên truyền qua loa truyền thanh xã và các cuộc họp tổ, hội. Trong đó, tuyên truyền từ cuộc họp có tác động tích cực hơn, dễ tiếp cận người dân và dễ gây chú ý hơn. (Thảo luận nhóm cán bộ, 2012).

Kết quả cho thấy nguồn thông tin lao động biết được thông qua cán bộ chính quyền địa phương chiếm tỷ lệ cao nhất 72%. Do đó, vai trò của chính quyền địa phương là rất quan trọng từ khâu tuyên truyền vận động học nghề cho đến tham gia vào các công việc quản lý lớp, liên kết với doanh nghiệp,...

4.1.3 Thực trạng việc làm của lao động nông thôn

Nghề nghiệp chính

Việc làm của lao động nông thôn cả nam và nữ trong gia đình tham gia nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất 41%. Làm các nghề tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ lệ 15%, chủ yếu phụ nữ, người không có khả năng làm việc nặng, lớn tuổi nhằm kiếm thêm thu nhập trong thời gian không làm nông nghiệp. Lao động làm công nhân xí nghiệp trong các doanh nghiệp và cán bộ viên chức chiếm tỷ lệ thấp từ 6 đến 10%, công việc này thu hút một lượng lao động trẻ tại nông thôn tham gia vào các khu công nghiệp, doanh nghiệp trong và ngoài địa phương, đòi hỏi lao động phải đáp ứng được trình độ, tay nghề mà bên sử dụng lao động yêu cầu. Vì thế, một lượng lao động trẻ vào thành phố làm việc nên nông thôn thiếu lao động trẻ.

Mối quan hệ giữa nghề nghiệp và nơi làm việc

Có 66% lao động làm việc tại nhà, 22% lao động làm việc trong xã, người lao động muốn làm việc tại địa phương vì sợ chi phí đi lại tốn kém nhiều hơn khi đi làm xa nhà.

4.1.4 Thu nhập bình quân/tháng của lao động và tích lũy của nông hộ trong năm

Thu nhập bình quân của lao động dưới 1 triệu đồng/tháng chiếm 40% và 1–2 triệu đồng chiếm 22%. Đối với lao động nông nghiệp thu nhập bình quân/tháng dưới 1 triệu đồng chiếm 46%. Đối với lao động làm thuê nông nghiệp, thu nhập dưới 1 triệu đồng/tháng chiếm 50%. Đối với lao động công nghiệp có mức thu nhập từ 1 – 3 triệu đồng/tháng chiếm 63%. Đối với lao động tiểu thủ công nghiệp thu nhập dưới 1 triệu đồng/tháng chiếm 92%, do giá gia công sản phẩm thấp, nguyên liệu làm không thường xuyên và sản phẩm khó tiêu thụ. Đối với lao động thương mại - dịch vụ thu nhập 1–2 triệu đồng/tháng chiếm 42%. Tuy nhiên, thu nhập không ổn định. Cán bộ viên chức có thu nhập 2–3 triệu đồng/tháng chiếm 33%. Lao động làm thuê phi nông nghiệp (PNN) có thu nhập 2–3 triệu đồng chiếm 27% và từ 4 triệu đồng trở lên chiếm 29%. Tuy nhiên, công việc này thường không ổn định.

Tổng thu nhập trung bình/năm của nông hộ là 99 triệu đồng và tích lũy trung bình/năm của nông hộ là 24 triệu.

Giữa nghề nghiệp và thu nhập có mối quan hệ với nhau. Làm nông nghiệp thường cho thu nhập không cao, do bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như thời tiết, khí hậu, thị trường,... Đối với nhóm nghề phi nông nghiệp, do đòi hỏi yêu cầu công việc phải có trình độ, sức khỏe, tay nghề,... nên người lao động thường có thu nhập khác nhau, các mức thu nhập cũng đa dạng hơn theo công việc.

4.1.5 Nhu cầu học nghề và xu hướng chọn nghề

Nhu cầu học nghề

Qua kết quả phân tích có 77% lao động có nhu cầu học nghề nông thôn tại địa phương, còn lại 23 % lao động không có nhu cầu học nghề nông thôn. Có nhiều nguyên nhân không có nhu cầu học nghề như có việc làm ổn định chiếm 35%, vướng bận chuyện gia đình chiếm 25%, sức khỏe chiếm 12%, không có thời gian đi học vì là nguồn lao động tạo thu nhập chính cho gia đình chiếm 18%, không có đất sản xuất và không muốn đi học vì không thấy hiệu quả chiếm 10%. (Tổng hợp từ kết quả điều tra 180 hộ tại 2 huyện Tam Bình và Long Hồ, 2012)

Xu hướng chọn nghề của lao động

Xu hướng chọn nghề của lao động nông thôn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như điều kiện gia đình, trình độ, sức khỏe, sở thích, năng lực bản thân, động viên của gia đình, nhu cầu của các

doanh nghiệp, theo định hướng phát triển của địa phương mà người lao động chọn cho mình một nghề thích hợp cho bản thân (Thảo luận nhóm lao động, 2012).

Kết quả điều tra cho thấy lao động có xu hướng chọn nghề nông nghiệp (43%), tiểu thủ công nghiệp (30%), công nghiệp (19%) và thương mại dịch vụ (8%).

4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của lao động

4.2.1 Nhận thức và sự cần thiết phải học nghề nông thôn

Nhận thức nghề nghiệp của thanh niên địa phương có thay đổi, thanh niên có sự chủ động tham gia học nghề. Động lực chính của việc tham gia học nghề là thiếu việc làm trong thời gian nông nhàn. Do đó, thanh niên tìm một nghề để sau khi học xong có được chứng chỉ để tìm việc làm hơn qua đó tăng thêm thu nhập cho bản thân và gia đình (Thảo luận nhóm cán bộ, 2012).

Các yếu tố tác động đến nhận thức phải học nghề và chọn cho mình một nghề là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn muốn có thu nhập nuôi sống bản thân, vươn lên trong cuộc sống, có ích cho gia đình và xã hội; sự quan tâm và tạo điều kiện từ phía gia đình; các chương trình hướng nghiệp, phát triển nghề, làng nghề của địa phương; tác động của chính quyền địa phương (Thảo luận nhóm lao động, 2012).

Qua kết quả phân tích cho thấy hầu như lao động nông thôn nhận định sự cần thiết phải đào tạo nghề trong giai đoạn hiện nay chiếm 98%, chỉ có 2% cho rằng không cần thiết vì chỉ đào tạo nghề mà không giải quyết được việc làm, thời gian đào tạo ngắn nên tay nghề còn yếu và thu nhập từ nghề còn thấp.

4.2.2 Hiệu quả đào tạo nghề nông thôn

Trong thời gian qua có 76% người lao động nhận định đào tạo nghề nông thôn đã mang lại cho lao động học nghề được những hiệu quả tích cực, tỷ lệ lao động còn lại cho rằng hiệu quả đạt được ở mức trung bình hoặc chưa thấy hiệu quả.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, có 61% ý kiến cho rằng học nghề đã giúp nông dân giảm được chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho nông hộ, 22% cho rằng biết cách áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, còn lại 17% cho rằng học nghề đã giúp họ biết thêm được kỹ thuật canh tác mới. Đối với lĩnh vực nghề phi nông nghiệp, có 49% ý kiến cho rằng học nghề đã làm tăng thêm thu nhập, 14% học

nghề đã giúp họ biết được nghề mới, 27% học nghề đã giúp họ có được việc làm ổn định, còn lại 10% ý kiến đã giúp họ giải quyết tốt thời gian nông nhàn.

Ngoài kết quả tích cực, đào tạo nghề và việc làm nông thôn vẫn chưa hiệu quả như nguyên liệu đầu vào của sản phẩm ít hoặc không ổn định và đầu ra sản phẩm khó tiêu thụ (65% ý kiến), học nghề không giải quyết được việc làm (19%), ý kiến còn lại là do người lao động không có vốn sản xuất, tay nghề sau đào tạo còn yếu, thu nhập từ nghề thấp.

4.2.3 Mối liên kết giữa cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp và người học nghề trong đào tạo và giải quyết việc làm

Nhận thấy được lợi thế về nguồn lực lao động nông thôn nên công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn là cần thiết. Tuy nhiên, nếu đào tạo xong mà lao động không có việc làm sẽ không có tác dụng. Vì thế, để đạt được hiệu quả tốt thì việc gắn kết giữa cơ sở dạy nghề - doanh nghiệp và đối tượng học nghề trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm rất quan trọng và cần thiết. Kết quả cho thấy, có sự liên kết giữa cơ sở dạy nghề - doanh nghiệp và đối tượng học nghề chiếm tỷ lệ cao 62% ý kiến, ở mức liên kết này chủ yếu được thực hiện trong các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp khi các doanh nghiệp vừa đảm nhận dạy nghề vừa giải quyết việc làm tại chỗ; tỷ lệ còn lại cho rằng thiếu liên kết.

4.2.4 Ảnh hưởng của đào tạo nghề nông thôn đến thu nhập của nông hộ

Khảo sát các yếu tố đào tạo nghề ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, mô hình hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng để phân tích. Với biến phụ thuộc Y là tổng thu nhập nông hộ (ngàn đồng) bao gồm các nguồn thu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, phi nông nghiệp và các nguồn khác như trợ cấp, lương hưu và tiền con cái/người thân gửi về. Các biến có khả năng ảnh hưởng đến tổng thu nhập được đưa vào mô hình để khảo sát, cuối cùng lựa chọn được một số biến ảnh hưởng có ý nghĩa đến thu nhập (biến Y), giá trị sig. < 0,05.

Phương trình hồi quy có dạng:

$$Y = -65851,586 + 0,792X_1 + 23893,648X_2 + 25378,176X_3 + 87,599X_4 + 1,057X_5 + 37503,470X_6$$

Biến X₁: Biến được tính dựa trên các nguồn thu nhập từ nông nghiệp và phi nông nghiệp của người học từ ứng dụng học nghề vào sản xuất của nông hộ. Khi lao động có thu nhập từ nghề nông thôn thêm 1 ngàn đồng thì tổng thu nhập của nông hộ

tăng thêm 0,792 ngàn đồng, khi các yếu tố khác không đổi.

Biến X₂: Biến ảnh hưởng đến khả năng có được việc làm sau khi học xong nghề. Tổng thu nhập nông hộ tăng thêm 23.893,648 ngàn đồng khi các cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp và người học nghề có mối liên kết và các yếu tố khác không đổi.

Biến X₃: Biến ảnh hưởng gián tiếp đến thu nhập vì số lần học nghề phản ánh được khả năng tích lũy kiến thức trong thời gian học của lao động, từ đó lao động có thể ứng dụng tốt vào sản xuất. Do đó,

lao động học nghề thêm 1 lần thì tổng thu nhập tăng thêm 25.378,176 ngàn đồng khi các yếu tố khác không đổi.

Biến X₄: Biến ảnh hưởng gián tiếp đến thu nhập vì thời gian đào tạo ảnh hưởng đến chất lượng lao động sau khi đào tạo, lao động được đào tạo với thời gian dài với trình độ tay nghề cao, khả năng có được việc làm và thu nhập tốt hơn. Do đó, tăng thời gian học nghề thêm 1 ngày thì tổng thu nhập nông hộ tăng thêm 87,599 ngàn đồng khi các yếu tố khác không đổi.

Bảng 1: Kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến

Tên biến	Đơn vị	Tham số hồi quy	Giá trị t	Mức ý nghĩa	Giá trị VIF
Hằng số		-65.851,586	-1,935	0,055	
X ₁ = Thu nhập từ nghề nông thôn	Ngàn đồng	0,792	5,790	0,000	3,847
X ₂ = Mối liên kết	1: có liên kết, 0: không có	23.893,648	3,680	0,000	1,181
X ₃ = Số lần học nghề	Lần	25.378,176	2,662	0,009	1,518
X ₄ = Thời gian học nghề	Ngày	87,599	2,979	0,003	3,480
X ₅ = Chi cho đầu tư sản xuất	Ngàn đồng	1,057	4,152	0,000	2,020
X ₆ = Sự đa dạng nghề	1: đa dạng, 0: kém	37503,470	2,375	0,019	1,107
Giá trị sig.F của mô hình		0,00			
Hệ số tương quan R		0,898			
Hệ số xác định R²		0,737			

Biến X₅: gồm các khoản chi vào việc ứng dụng nghề đã học vào sản xuất, các khoản chi mua máy móc thiết bị, chi mua dụng cụ,..., tổng thu nhập của nông hộ tăng thêm 1,057 ngàn đồng đồng khi tăng đầu tư thêm 1 ngàn đồng và các yếu tố khác không đổi.

Biến X₆: Biến chỉ nhận 2 giá trị là 0 nếu là kém đa dạng nghề và 1 nếu đa dạng nghề kể cả nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp. Những hộ có thu nhập chính từ 2 nghề trở lên thì được gọi là đa dạng thu nhập. Tổng thu nhập nông hộ tăng thêm 37503,470 ngàn đồng khi nông hộ có sự đa dạng về nghề và các yếu tố khác không đổi.

Từ các kết quả phân tích trên ta thấy các yếu tố đào tạo nghề (mối liên kết sau học nghề, thời gian đào tạo, số lần học nghề, sự đa dạng nghề) đã có ảnh hưởng đáng kể đến tổng thu nhập của nông hộ. Như vậy, đào tạo nghề nông thôn trong thời gian qua đã góp phần làm tăng thêm thu nhập của nông hộ, nghề nông thôn trở thành nghề quan trọng ở một số nông hộ.

4.3 Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của lao động trong tham gia học nghề và tìm việc làm

4.3.1 Điểm mạnh

– Lao động khu vực nông thôn dồi dào (76%), lực lượng lao động trẻ (15 -29 tuổi) chiếm đa số có trình độ chủ yếu cấp 2 và cấp 3. Người lao động nông thôn chịu khó, siêng năng trong học nghề và tìm kiếm việc làm.

– Nhờ công tác tuyên truyền vận động tham gia học nghề có hiệu quả nên lao động nông thôn đã ý thức được tầm quan trọng của học nghề, tạo động lực cho người học tham gia học tích cực, từ đó đã nâng cao được hiệu quả học nghề.

4.3.2 Điểm yếu

– Thời gian học nghề ngắn (dưới 3 tháng), giáo trình giảng dạy chất lượng chưa cao, trang thiết bị thực hành còn hạn chế chưa phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, thiếu đội ngũ giáo viên cơ hữu, sau đào tạo tay nghề lao động vẫn còn yếu nên người lao động thiếu tự tin, khó tìm việc làm và lương thấp.

– Đối với nghề tiểu thủ công nghiệp, lao động chỉ gia công sản phẩm cho các doanh nghiệp với mức giá thấp, người lao động ngồi chờ doanh nghiệp đem nguyên liệu xuống làm, khi không có nguyên liệu đủ người lao động phải chuyển sang công việc khác. Sản phẩm làm được có khi không tìm được đầu ra.

– Do khả năng tiếp cận thông tin còn hạn chế nên nhiều lao động khó có việc làm, chủ yếu tham gia lao động phổ thông. Khả năng liên kết, nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động của Trung tâm Dạy nghề và GTVL không đầy đủ nên việc tư vấn tìm việc làm cho lao động gặp khó khăn.

– Chính sách đào tạo nghề nông thôn có các ràng buộc về quy mô lớp học, định mức hỗ trợ còn thấp, chủ yếu hỗ trợ cho đối tượng gia đình chính sách, hộ nghèo.

– Hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên học nghề xong lao động thường thiếu vốn đầu tư sản xuất, không áp dụng được kỹ thuật đã học nên lao động phải làm trái nghề hoặc chuyển nghề, nếu làm đúng nghề cũng chỉ làm thuê thu nhập thấp. Vì vậy, thu nhập từ nghề nông thôn nhìn chung vẫn còn thấp.

4.3.3 Cơ hội

– Đề án đào tạo nghề nông thôn đến 2020 được triển khai thực hiện tạo điều kiện cho lao động nông thôn có thể tham gia học nghề. Người lao động được hỗ trợ, hưởng các chính sách ưu đãi của người học nghề.

– Tỉnh Vĩnh Long đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án 1956 ở cấp tỉnh, huyện và cơ sở nhằm thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Hằng năm, Trung tâm Dạy nghề và GTVL huyện được đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất từ các nguồn ngân sách của Trung ương và địa phương nhằm giúp người lao động nâng cao chất lượng học nghề, có việc làm, nâng cao thu nhập.

– Chính quyền địa phương luôn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện để người học nghề có thể tham gia. Chính quyền địa phương tham gia vận động lao động học nghề, đề xuất mở lớp theo nhu cầu người học, vận động các mạnh thường quân đóng góp vào ngân sách hỗ trợ học nghề, tham gia quản lý lớp học,...

– Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm (GTVL) huyện giữ vai trò điều phối các hoạt động, chịu trách nhiệm chính trong dạy nghề, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy nghề và tìm việc làm cho lao động. Trung tâm học tập cộng đồng xã giữ vai trò quan trọng tại địa phương, là cầu nối

giữa Trung tâm Dạy nghề và GTVL với người lao động, trực tiếp tham gia quản lý các vấn đề trong học nghề tại địa phương.

– Trên địa bàn tỉnh có khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp, tuyến công nghiệp đang thu hút nhà đầu tư. Hiện tại, KCN đang có nhiều doanh nghiệp đang hoạt động, có nhu cầu sử dụng lao động.

– Trung tâm GTVL tỉnh Vĩnh Long là cầu nối giữa người lao động và doanh nghiệp, là nơi cho lao động nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. Từ đó, người lao động có thể chọn cho mình một nghề phù hợp với việc làm.

– Chương trình quốc gia “Nông thôn mới” đã đầu tư hạ tầng nông thôn, giúp doanh nghiệp xúc tiến đầu tư là cơ hội tạo việc làm cho người lao động.

– Làng nghề truyền thống đang thu hút lao động địa phương, đặc biệt phụ nữ, giúp tăng thêm thu nhập cho gia đình.

– Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên được áp dụng để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn góp phần trang trải chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh, sinh viên trong thời gian theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề. Bên cạnh đó, còn có các chương trình vay vốn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm.

4.3.4 Thách thức

– Nhiều doanh nghiệp cạnh tranh gay gắt, do đó hoạt động sản xuất của một số doanh nghiệp không hiệu quả phải phá sản khiến người lao động mất việc. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp yêu cầu lao động phải có trình độ và tay nghề cao nhưng đào tạo nghề ngắn hạn không đáp ứng được yêu cầu này.

– Lao động trẻ có xu hướng học đại học, cao đẳng nên tốn nhiều chi phí nhưng hiệu quả giải quyết việc làm chưa cao; một số lao động chưa có tay nghề vẫn có xu hướng làm lao động phổ thông ở các thành phố lớn, khu công nghiệp để có thu nhập ngay, chấp nhận thu nhập thấp và không ổn định chứ không muốn tham gia học nghề.

4.3.5 Ma trận SWOT

Căn cứ vào kết quả thảo luận nhóm, điều tra nông hộ và phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức về thực trạng học nghề và tìm kiếm việc làm của người lao động trong thời gian qua, ma trận SWOT được phân tích như sau:

Bảng 2: Ma trận SWOT của lao động trong học nghề và tìm việc làm

SWOT		Yếu tố bên trong	
		<p>Liệt kê các điểm mạnh (S)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lao động nông thôn dồi dào, chịu khó, siêng năng. - Ý thức về học nghề nông thôn tương đối tốt. 	<p>Liệt kê các điểm yếu (W):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lao động trẻ không tay nghề có xu hướng lên thành phố. - Thụ động trong tìm nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm TTCN. - Tiếp cận thông tin việc làm hạn chế. - Thu nhập từ nghề còn thấp. - Thiếu vốn sản xuất.
Yếu tố bên ngoài	<p>Liệt kê các cơ hội (O)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trung tâm dạy nghề và GTVL, trung tâm học tập cộng đồng. - Có BCD và thực hiện Đề án 1956 về học nghề nông thôn đến 2020. - Có các chương trình mục tiêu quốc gia cho vay vốn học nghề, phát triển sản xuất và QĐ số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. - Có làng nghề, nhiều ngành nghề truyền thống. - Có Chương trình nông thôn mới. - Quan tâm, giúp đỡ của chính quyền địa phương. - Có khu công nghiệp, cụm công nghiệp. 	<p>Chiến lược phát triển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất, nâng cao hiệu quả đào tạo nghề. - Tư vấn thông tin học nghề, tìm việc làm. - Hoàn thiện và phát triển các làng nghề truyền thống. - Liên kết với các công ty. - Thu hút các doanh nghiệp về địa phương. 	<p>Chiến lược tận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện chính sách hỗ trợ học nghề. - Vay vốn sản xuất. - Đầu tư thiết bị, nâng cao tay nghề lao động.
	<p>Liệt kê các thách thức (T)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều doanh nghiệp phá sản. - Doanh nghiệp yêu cầu trình độ lao động ngày càng cao. - Đầu vào, đầu ra không ổn định đối với hàng TTCN. - Thời gian học ngắn, thiếu giáo viên, không đủ thiết bị thực hành, ràng buộc về qui mô lớp học và hỗ trợ học nghề. 	<p>Chiến lược duy trì</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đầu ra, đầu vào cho sản phẩm. - Hỗ trợ doanh nghiệp lúc khó khăn. - Đào tạo có chất lượng. 	<p>Chiến lược khắc phục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao trình độ đào tạo. - Khuyến khích đầu tư vào lao động nông thôn. - Doanh nghiệp tham gia đào tạo lao động.

4.4 Giải pháp cho đào tạo nghề, việc làm và nâng cao thu nhập

- Đầu tư cơ sở vật chất giảng dạy, thiết bị thực hành, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, chất lượng lao động để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Thường xuyên đổi mới và cải tiến giáo trình phù hợp giữa lý thuyết và thực hành theo loại ngành nghề; phương thức giảng dạy cho sinh động, thực tế. Cụ thể như rút ngắn thời gian học nghề đối với các ngành nghề dễ học, dễ làm và không cần trình độ (đan lát, đan lục bình,...), tăng thời gian học đối với các nghề như sửa chữa điện thoại, điện, điện tử, máy nỏ,... để nâng cao tay nghề và tăng thu nhập của người lao động. Bên cạnh đó, cũng phải tăng cường chất lượng giáo viên giảng dạy bằng cách mời giáo viên có trình

độ, tay nghề tham gia biên soạn giáo trình phù hợp và giảng dạy.

- Tư vấn thông tin học nghề, tìm việc làm: liên kết với doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp trong và ngoài địa phương để tư vấn, giới thiệu, cung ứng lao động cho đơn vị sử dụng lao động; thường xuyên thông tin về thị trường lao động để người lao động được biết.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vào khu công nghiệp, doanh nghiệp mở xưởng sản xuất gia công sản phẩm tiêu thủ công nghiệp tại địa bàn nông thôn nhằm tạo điều kiện cho lao động có việc làm tại chỗ.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách học nghề như chính sách hỗ trợ nên chia các đối tượng theo các

mức hỗ trợ khác nhau. Cần điều chỉnh các ràng buộc, chính sách hỗ trợ người học cho phù hợp.

– Tạo điều kiện cho các hộ tham gia học nghề vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh thông qua các chương trình vay vốn tín dụng cho người nghèo, nguồn vốn trợ giúp khó khăn và nguồn vốn xoay vòng của các đoàn thể. Đồng thời, hỗ trợ cho các doanh nghiệp lúc khó khăn.

– Liên kết với doanh nghiệp tìm công ty để cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào, tiêu thụ sản phẩm tiêu thụ công nghiệp, hoàn thiện và phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp tại địa phương để giải quyết nhu cầu lao động tại chỗ và tăng thu nhập của người lao động.

– Doanh nghiệp đào tạo lao động rồi sử dụng lao động cho doanh nghiệp.

– Khuyến khích những lao động có khả năng tiếp tục nâng cao trình độ tay nghề bằng các hình thức đào tạo như trung cấp nghề, cao đẳng nghề, và có thể tham gia đa ngành nghề để tăng thu nhập.

– Ổn định giá cả thị trường, đảm bảo giá gia công các sản phẩm cho phù hợp theo từng ngành nghề, đảm bảo thu nhập của người lao động có thể trang trải được chi phí. Có như vậy, người lao động có thể gắn bó với nghề.

5 KẾT LUẬN

Lực lượng lao động nông thôn tại Tam Bình và Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long hiện nay rất dồi dào (chiếm 76%), phần lớn là lực lượng lao động trẻ từ 15 đến 29 tuổi (37%); có trình độ học vấn tương đối, tỷ lệ mù chữ thấp. Tuy nhiên, lực lượng lao động trẻ đang có xu hướng di chuyển vào các thành phố mặc dù chất lượng lao động còn nhiều hạn chế. Đa phần lực lượng này thích tham gia vào các nhóm nghề công nghiệp và nhóm thương mại – dịch vụ.

Động lực chính của lao động khi học nghề do xuất phát từ nhận thức muốn tạo thu nhập cho bản thân. Tuy nhiên, còn một bộ phận lao động chưa nhận thức được vai trò của học nghề.

Do lực lượng lao động trẻ tại khu vực nông thôn của tỉnh tập trung về các khu công nghiệp của tỉnh và các thành phố lớn để học tập và làm việc, vì vậy lực lượng lao động còn lại lớn tuổi có trình độ học vấn trung bình thấp, chậm tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, dựa vào kinh nghiệm sản xuất nên chọn nghề của lao động ở nông thôn chủ yếu là nông nghiệp.

Thu nhập từ nghề nông thôn còn thấp, nhưng nghề nông thôn đã góp phần đa dạng thêm nguồn thu nhập của nông hộ, giúp lao động có thêm thu nhập lúc nhàn rỗi. Các yếu tố đào tạo nghề như thời gian đào tạo, mối liên kết trong và sau đào tạo, số lần tham gia học nghề, đa dạng nghề có ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập của nông hộ.

Công tác đào tạo nghề còn một số khó khăn như: thiếu trang thiết bị, ngành nghề không phù hợp với thực tế. Khả năng tiếp cận thông tin học nghề còn hạn chế. Tuy đạt được hiệu quả tích cực trong đào tạo nghề nhưng vẫn còn hạn chế trong giải quyết việc làm cho lao động sau khi học nghề. Khả năng gắn kết với doanh nghiệp còn thấp trong dạy nghề và tạo việc làm. Đa phần bản thân lao động tự tìm việc làm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động – TB&XH, 2008. Đề án 1956: còn nhiều khó khăn, truy cập ngày 15/7/2012. Địa chỉ: <http://www.molisa.gov.vn/news/detail2/tabid/371/newsid/55592/seo/De-an-1956-o-Yen-Bai-Con-nhieu-kho-khan/language/vi-VN/Default.aspx>.
- Lê Hoàng Phúc, 2012. Thực trạng lao động nông thôn và ảnh hưởng của đào tạo nghề nông thôn đến việc làm và thu nhập của người dân Vĩnh Long: Trường hợp nghiên cứu tại 2 huyện Tam Bình và Long Hồ. Luận văn tốt nghiệp Đại học Cần Thơ.
- Thủ tướng Chính phủ, 2007. Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.
- Thủ tướng Chính phủ, 2009. Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/11/2009 về việc phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.
- Tổng cục Thống kê, 2011. Báo cáo điều tra lao động và việc làm năm 2010.
- Tổng cục Thống kê, 2012. Niên giám Thống kê năm 2011.
- Võ Thị Thanh Lộc và Huỳnh Hữu Thọ, 2015. Giáo trình: Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội). Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.